

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

A picture containing text, clipart

Description automatically generated

**ĐỒ ÁN**

**CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM**

Khoa: Công nghệ thông tin

Ngành: Công nghệ thông tin

Mã môn học: 841047

Trình độ đào tạo: Đại học

***Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 05/2022***



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

A picture containing text, clipart

Description automatically generated****

**ĐỀ TÀI**

**Ecommerce**

**Cửa hàng quần áo Fashion247**

Đề tài được thực hiện bởi nhóm:

3120410297 – Trần Nguyên Lộc

3120410433 – Huỳnh Minh Quân

3120410467 – Võ Minh Tấn

3120410431 – Đỗ Linh Quân

Giảng viên hướng dẫn: NGUYỄN QUỐC HUY

***Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 05/2022***

**Mục lục**

[**I. GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI** 1](#_Toc118827774)

[**II. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG** 2](#_Toc118827775)

[1. Lược đồ Usecase tổng quát 2](#_Toc118827776)

[2. Đặc tả Usecase 3](#_Toc118827777)

[2.1 Usecase Đăng nhập 3](#_Toc118827778)

[2.2 Usecase Đăng kí 4](#_Toc118827779)

[2.3 Usecase Quên mật khẩu 5](#_Toc118827780)

[2.4 Usecase Đặt hàng 6](#_Toc118827781)

[2.5 Usecase Thanh toán 7](#_Toc118827782)

[2.6 Usecase Quản lí giỏ hàng 8](#_Toc118827783)

[2.7 Usecase Xem lịch sử mua hàng 9](#_Toc118827784)

[2.8 Usecase Quản lí phương thức thanh toán 10](#_Toc118827785)

[2.9 Usecase Đổi mật khẩu 11](#_Toc118827786)

[2.10 Usecase Đổi thông tin cá nhân 12](#_Toc118827787)

[2.11 Usecase Liên hệ quản trị 13](#_Toc118827788)

[2.12 Usecase Quản lí tài khoản quản trị 14](#_Toc118827789)

[2.13 Usecase Quản lí tài khoản khách hàng 15](#_Toc118827790)

[2.14 Usecase Quản lí sản phẩm 16](#_Toc118827791)

[2.15 Usecase Xử lí đơn hàng 17](#_Toc118827792)

[2.16 Usecase Xử lí hoá đơn 18](#_Toc118827793)

[2.17 Usecase Gửi & In hoá đơn 19](#_Toc118827794)

[2.18 Usecase Thống kê 20](#_Toc118827795)

[3. Biểu đồ tuần tự Sequence Diagram 21](#_Toc118827796)

[3.1 Chức năng Đăng nhập 21](#_Toc118827797)

[3.2 Chức năng Đăng kí 22](#_Toc118827798)

[3.3 Chức năng Quên mật khẩu 23](#_Toc118827799)

[3.4 Chức năng Đặt hàng 24](#_Toc118827800)

[3.5 Chức năng Thanh toán 25](#_Toc118827801)

[3.6 Chức năng Quản lí giỏ hàng 26](#_Toc118827802)

[3.7 Chức năng Xem lịch sử mua hàng 27](#_Toc118827803)

[3.8 Chức năng Quản lí phương thức thanh toán 28](#_Toc118827804)

[3.9 Chức năng Đổi mật khẩu 29](#_Toc118827805)

[3.10 Chức năng Đổi thông tin cá nhân 30](#_Toc118827806)

[3.11 Chức năng Liên hệ quản trị 31](#_Toc118827807)

[3.12 Chức năng Quản lí tài khoản quản trị 32](#_Toc118827808)

[3.13 Chức năng Quản lí tài khoản khách hàng 33](#_Toc118827809)

[3.14 Chức năng Quản lí sản phẩm 34](#_Toc118827810)

[3.15 Chức năng Xử lí đơn hàng 35](#_Toc118827811)

[3.16 Chức năng Xử lí hoá đơn 36](#_Toc118827812)

[3.17 Chức năng Gửi & In hoá đơn 37](#_Toc118827813)

[3.18 Chức năng Thống kê 38](#_Toc118827814)

# 

# **I. GIỚI THIỆU ĐỀ TÀI**

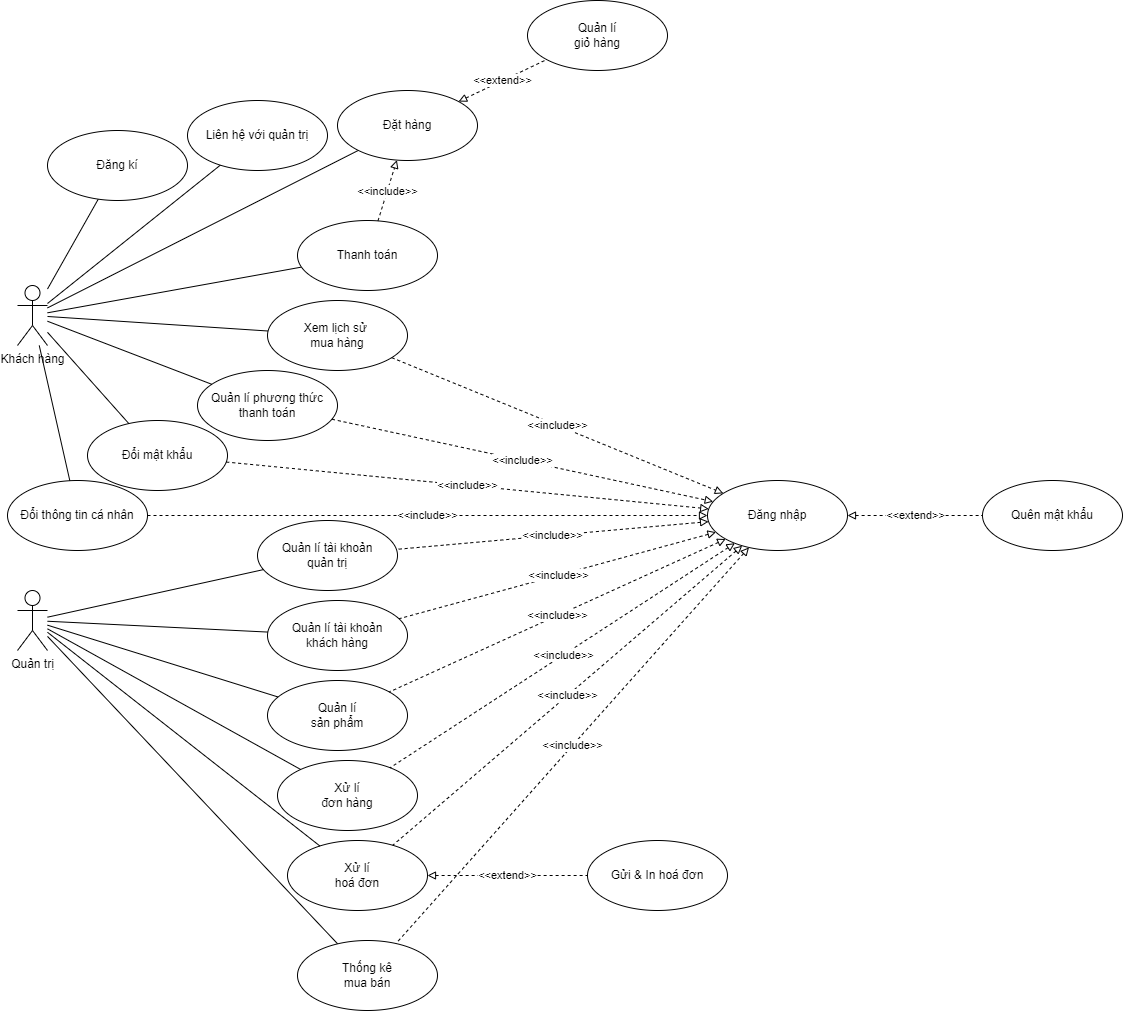
Hệ thống cửa hàng bán quần áo Fashion247 được xây dựng để giới thiệu các sản phẩm thời trang, mở rộng thị trường mua bán quần áo qua thương mại điện tử, cũng như mang lại cho khách hàng sự dễ dàng và thuận tiện nhất trong việc tìm kiểu và mua sắm sản phẩm tại cửa hàng Fashion247.

Khách hàng có thể chọn vào sản phẩm để xem thông tin của sản phẩm và ấn vào đặt hàng để tiến hành mua hàng nếu họ thấy thích. Khách hàng có thể dùng các chức năng mua sắm cơ bản như đặt hàng, truy cập và quản lí giỏ hàng, thanh toán đơn hàng, xem lịch sử mua hàng và các chức năng quản lí thông tin của họ như Quản lí phương thức thanh toán, đổi mật khẩu, đổi thông tin cá nhân, bên cạnh đó họ cũng có thể dùng chức năng Liên hệ quản trị trong trường hợp họ có thắc mắc hoặc có vấn đề phát sinh trong trang web. Ngoài ra hệ thống hỗ trợ mua sắm cho cả khách hàng kể cả khi họ không đăng kí tài khoản trên trang web nhưng đánh đổi là họ không thể tự mình truy cập xem thông tin đơn hàng và hoá đơn đã mua sắm của họ như những khách hàng đã có tài khoản khác.

Quản trị của trang web cửa hàng có thể tiến hành các công việc nghiệp vụ như Quản lí tài khoản khách hàng, Quản lí sản phẩm, Xử lí đơn hàng, Xử lí hoá đơn của khách hàng, ngoài ra họ còn có thể sử dụng chức năng Gửi/In hoá đơn để in hoá đơn cho khách hàng, thống kê để xem doanh số bán hàng của trang web. Các quản trị cấp cao cũng có quyền quản lí các tài khoản quản trị khác.

# **II. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG**

## 1. Lược đồ Usecase tổng quát



Lược đồ Usecase tổng quát của hệ thống

## 2. Đặc tả Usecase

### 2.1 Usecase Đăng nhập

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Diagram  Description automatically generated | | |
| **Use case Number** | UC\_ĐăngNhập | |
| **Use case Name** | Đăng nhập | |
| **Actor** | Khách hàng, Quản trị | |
| **Priority** | Must have | |
| **Summary** | Khách hàng, Quản trị đăng nhập vào trang web | |
| **Basic Course of Events** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Khách hàng, quản trị ấn vào nút **Đăng nhập** trên thanh header của trang web |  |
|  | 2. Chuyển hướng trang web đến trang đăng nhập của hệ thống. |
| 3. Khách hàng, Quản trị nhập tài khoản gmail và mật khẩu của họ |  |
| 4. Khách hàng ấn vào nút **Đăng nhập** bên đưới để tiến hành đăng nhập |  |
|  | 5. Hệ thống kiểm tra thông tin tài khoản được nhập vào. **A1 E1** |
|  | 6. Hệ thống đăng nhập thành công |
| **Alternative Paths** | **A1.** Nếu tài khoản người dùng đăng nhập là tài khoản quản trị thì khi đăng nhập thành công sẽ chuyển hướng đến trang quản trị. Trường hợp là người dùng thông thường sẽ chuyển hướng đến trang cá nhân của họ. | |
| **Exception Paths** | **E1.** Nếu tài khoản khách hàng nhập sai hoặc không tồn tại trong hệ thống, hệ thống sẽ gửi thông báo lỗi tương ứng. Quay lại luồng bước 3 | |
| **Extension Points** | None. | |
| **Trigger** | Khách hàng, Quản trị muốn đăng nhập vào trang web | |
| **Assumptions** | None. | |
| **Pre-Conditions** | None. | |
| **Post-Conditions** | Đăng nhập thành công. | |
| **Reference Business Rules** | None. | |
| **Author** | Nhóm 6 | |
| **Date** | 4/10/2022 | |
| **Activity Diagram**  Diagram  Description automatically generated | | |

### 2.2 Usecase Đăng kí

### 2.3 Usecase Quên mật khẩu

### 2.4 Usecase Đặt hàng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A picture containing text, sport  Description automatically generated | | |
| **Use case Number** | UC\_ĐặtHàng | |
| **Use case Name** | Đặt hàng | |
| **Actor** | Khách hàng | |
| **Priority** | Must have | |
| **Summary** | Người dùng sử dụng chức năng đặt hàng, sản phẩm khách chọn sẽ được thêm vào giỏ hàng | |
| **Basic Course of Events** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Khách hàng chọn sản phẩm mà họ muốn mua trên trang sản phẩm. |  |
|  | 2. Chuyển hướng trang web qua trang chi tiết của sản phẩm |
| 3. Khách hàng chọn sản phẩm mà họ muốn và ấn vào nút “**Đặt Hàng”**. |  |
|  | 4. Hệ thống thêm sản phẩm vào trong giỏ hàng và lưu lại giỏ hàng của khách hàng lên CSDL. **E1** |
|  | 5.Hệ thống hiển thị hoạt ảnh cho biết sản phẩm đã được thêm vào giỏ hàng. |
| **Alternative Paths** | None. | |
| **Exception Paths** | **E1** Nếu khách hàng chọn đặt sản phẩm không đăng nhập vào hệ thống thì không cần lưu lại giỏ hàng | |
| **Extension Points** | None. | |
| **Trigger** | Người dùng muốn chọn mua sản phẩm trên trang web bán hàng. | |
| **Assumptions** | None. | |
| **Pre-Conditions** | Khách hàng đã truy cập vào trang sản phẩm. | |
| **Post-Conditions** | Sản phẩm được thêm vào trong giỏ hàng. | |
| **Reference Business Rules** | None. | |
| **Author** | Nhóm 6 | |
| **Date** | 4/10/2022 | |
| **Activity Diagram**  Diagram  Description automatically generated | | |

### 2.5 Usecase Thanh toán

### 2.6 Usecase Quản lí giỏ hàng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Diagram, venn diagram  Description automatically generated | | | |
| **Use case Number** | UC\_QuảnLíGiỏHàng | | |
| **Use case Name** | QuảnLíGiỏHàng | | |
| **Actor** | Khách hàng | | |
| **Priority** | Must have | | |
| **Summary** | Khách hàng có thể cập nhật thông tin về số lượng sản phẩm, thêm, xoá sản phẩm bên trong giỏ hàng | | |
| **Basic Course of Events** | **Actor Action** | | **System Response** |
| 1. Khách hàng truy cập truy cập vào giỏ hàng bằng cách ấn vào nút bấm **“Giỏ hàng”** hoặc ấn vào icon Giỏ hàng. | |  |
|  | | 2. Chuyển hướng đến trang giỏ hàng của khách hàng |
|  | | 3. Load dữ liệu giỏ hàng của khách hàng từ CSDL lên giao điện Giỏ hàng |
| 4. Bấm nút **“+”, “–“** hoặc để tăng hoặc giảm số lượng sản phẩm. **A1** | |  |
|  | | 5. Kiểm tra số lượng sản phẩm của khách hàng trong Giỏ hàng **E1** |
|  | | 6. Hệ thống cập nhật lại CSDL Giỏ Hàng của Khách hàng |
|  | | 6. Hệ thống hiển thị số lượng mới của sản phẩm trong giỏ hàng. |
| **Alternative Paths** | **A1** | | |
| **Actor Action** | **System Response** | |
| 1. Khách hàng ấn vào nút bấm có biểu tượng thùng rác để xoá sản phẩm đó ra khỏi giỏ hàng. |  | |
|  | 2. Hệ thống xoá sản phẩm mà khách hàng chọn ra khỏi giỏ hàng và cập nhật lại CSDL Giỏ Hàng của khách hàng, | |
| **Exception Paths** | **E1.** Nếu số lượng món hàng giảm về 1 và khách hàng vẫn tiếp tục ấn vào nút “**-**“ thì ở lần bấm tiếp theo sẽ giảm số lượng về 0 và xoá hẵn món hàng đấy ra khỏi giỏ hàng. | | |
| **Extension Points** | None. | | |
| **Trigger** | Khách hàng muốn quản lí số lượng sản phẩm hoặc thêm, xoá sản phẩm trong giỏ hàng | | |
| **Assumptions** | None. | | |
| **Pre-Conditions** | Khách hàng phải đăng nhập vào hệ thống. | | |
| Khách hàng phải có ít nhất 1 sản phẩm trong giỏ hàng. | | |
| **Post-Conditions** | Cập nhật và hiển thị số lượng sản phẩm trong giỏ hàng | | |
| **Reference Business Rules** | None. | | |
| **Author** | Nhóm 6 | | |
| **Date** | 4/10/2022 | | |
| **Activity Diagram**  Diagram  Description automatically generated | | | |

### 2.7 Usecase Xem lịch sử mua hàng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A picture containing diagram  Description automatically generated | | | |
| **Use case Number** | UC\_XemLịchSửMuaHàng | | |
| **Use case Name** | Xem lịch sử mua hàng | | |
| **Actor** | Khách hàng | | |
| **Priority** | Must have | | |
| **Summary** | Khách hàng truy cập trang Lịch sử đơn hàng/hoá đơn để xem đơn hàng/hoá đơn đã thanh toán của họ. | | |
| **Basic Course of Events** | **Actor Action** | | **System Response** |
| 1. Khách hàng ấn vào tên của họ trên thanh header và ấn tiếp vào nút **My Account** để vào trang cá nhân của họ | |  |
|  | | 2. Hệ thống load giao diện trang cá nhân của khách hàng |
| 2. Khách hàng muốn truy cập vào lịch sử **đơn hàng** của họ trên hệ thống bằng cách ấn vào nút **Đơn bán hàng** trong phần lịch sử bán hàng. **A1** | |  |
|  | | 3. Hệ thống load danh sách đơn hàng của khách hàng từ CSDL lên màn hình |
| 4. Khách hàng ấn vào một đơn hàng/hoá đơn để xem chi tiết đơn hàng/hoá đơn | |  |
|  | | 5. Hệ thống chuyển hướng đến trang chi tiết đơn hàng/hoá đơn, hiển thị thông tin chi tiết đơn hàng/hoá đơn của khách hàng |
| **Alternative Paths** | **A1** | | |
| **Actor Action** | **System Response** | |
| 1. Khách hàng muốn truy cập vào lịch sử **hoá đơn** của họ trên hệ thống bằng cách ấn vào nút **Hoá đơn & Công Nợ** |  | |
|  | 2. Hệ thống load danh sách hoá đơn của khách hàng từ CSDL lên màn hình, tiếp tục từ luồng chính bước 4. | |
| **Exception Paths** | None. | | |
| **Extension Points** | None. | | |
| **Trigger** | Người dùng muốn xem lại lịch sử mua hàng/đặt hàng. | | |
| **Assumptions** | None. | | |
| **Pre-Conditions** | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống | | |
| **Post-Conditions** | Hiển thị thông tin chi tiết đơn hàng/hoá đơn của khách hàng. | | |
| **Reference Business Rules** | None. | | |
| **Author** | Nhóm 6 | | |
| **Date** | 4/10/2022 | | |
| **Activity Diagram**  Diagram  Description automatically generated | | | |

### 2.8 Usecase Quản lí phương thức thanh toán

### 2.9 Usecase Đổi mật khẩu

### 2.10 Usecase Đổi thông tin cá nhân

### 2.11 Usecase Liên hệ quản trị

### 2.12 Usecase Quản lí tài khoản quản trị

### 2.13 Usecase Quản lí tài khoản khách hàng

### 2.14 Usecase Quản lí sản phẩm

### 2.15 Usecase Xử lí đơn hàng

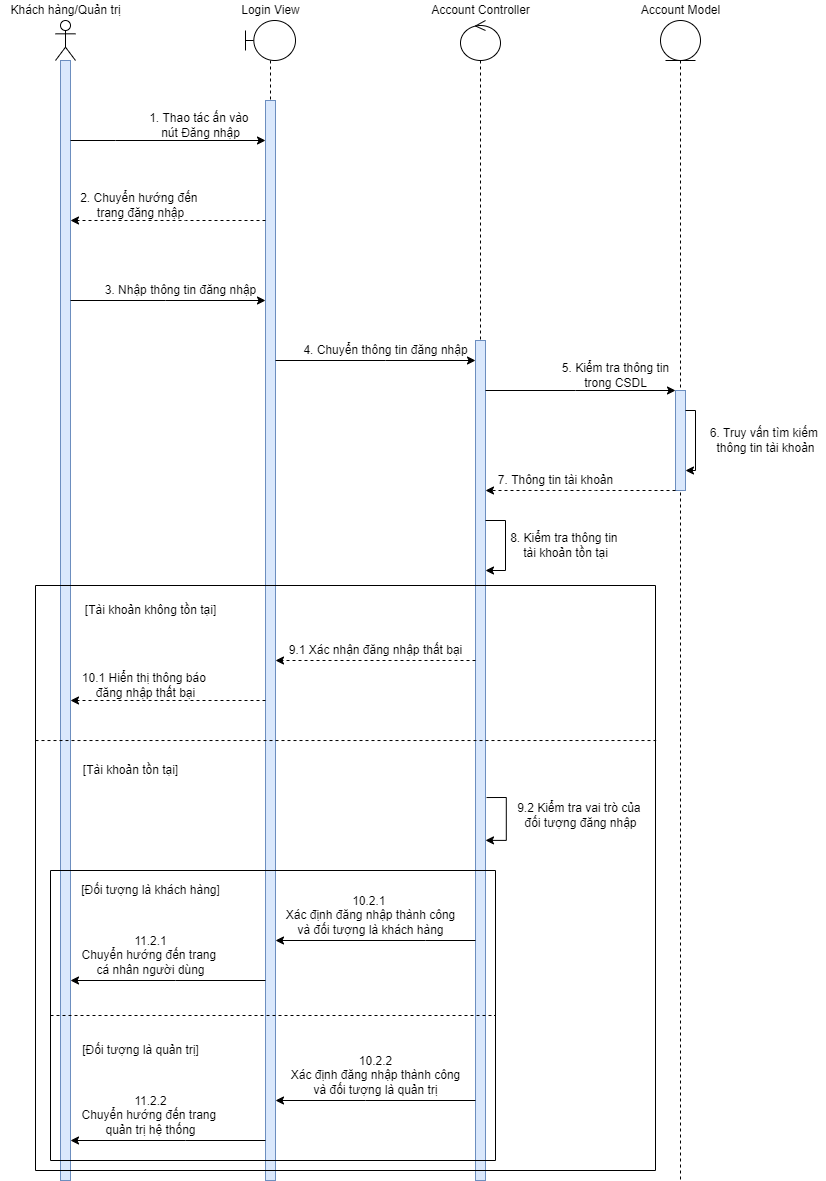
### 2.16 Usecase Xử lí hoá đơn

### 2.17 Usecase Gửi & In hoá đơn

### 2.18 Usecase Thống kê

## 3. Biểu đồ tuần tự Sequence Diagram

### 3.1 Chức năng Đăng nhập



### 3.2 Chức năng Đăng kí

### 3.3 Chức năng Quên mật khẩu

### 3.4 Chức năng Đặt hàng

Diagram, schematic

Description automatically generated

### 3.5 Chức năng Thanh toán

### 3.6 Chức năng Quản lí giỏ hàng

Timeline

Description automatically generated

### 3.7 Chức năng Xem lịch sử mua hàng

Timeline

Description automatically generated

### 3.8 Chức năng Quản lí phương thức thanh toán

### 3.9 Chức năng Đổi mật khẩu

### 3.10 Chức năng Đổi thông tin cá nhân

### 3.11 Chức năng Liên hệ quản trị

### 3.12 Chức năng Quản lí tài khoản quản trị

### 3.13 Chức năng Quản lí tài khoản khách hàng

### 3.14 Chức năng Quản lí sản phẩm

### 3.15 Chức năng Xử lí đơn hàng

### 3.16 Chức năng Xử lí hoá đơn

### 3.17 Chức năng Gửi & In hoá đơn

### 3.18 Chức năng Thống kê